

医療機関

日頃から、自分や家族の健康について相談できる「かかりつけ医」をもちましょう！
(掲載内容は令和7年4月現在の情報です。)

三田市内医療機関一覧表(医科)

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel	診療科目 / Chuyên khoa khám chữa bệnh
三田 / Sanda			
大坪胃腸科外科 / Phòng khám Ngoại khoa Tiêu hóa Otsubo	南が丘 1-39-23 / 1-39-23 Minamigaoka, Sanda	563-3511	外科、肛門外科、消化器内科 / Ngoại khoa, Ngoại khoa hậu môn, Nội khoa tiêu hóa
かみはらペインクリニック / Phòng khám Pain Kamihara	貴志 141-1 / 141-1 Kishi, Sanda	564-1715	ペインクリニック科、麻酔科、リハビリテーション科 / Khoa giảm đau, Khoa gây mê, Khoa phục hồi chức năng.
きんぼしクリニック / Phòng khám Kinboshi	南が丘 2-13-82 / 2-13-82 Minamigaoka, Sanda	564-3761	脳神経内科、内科 / Nội khoa thần kinh, Nội khoa
さつきクリニック / Phòng khám Satsuki	横山町 7-7 / 7-7 Yokoyama-cho, Sanda	563-3533	内科、人工透析内科 / Nội khoa, Nội khoa chạy thận nhân tạo
澤外科 / Ngoại khoa Sawa	屋敷町 17-4 / 17-4 Yashikimachi, Sanda	563-2713	内科、外科、消化器科 / Nội khoa, Ngoại khoa, Khoa tiêu hóa
三田さかいクリニック / Phòng khám Sanda Sakai	天神 1-1-12 / 1-1-12 Tenjin, Sanda	563-1188	精神科、心療内科 / Khoa tâm thần, Khoa trị liệu tâm lý
宝塚三田病院 / Bệnh viện Takarazuka Sanda	西山 2-22-10 / 2-22-10 Nishiyama, Sanda	563-4871	精神科、神経科 / Khoa tâm thần, Khoa thần kinh
中津クリニック / Phòng khám Nakatsu	南が丘 1-52-8 / 1-52-8 Minamigaoka, Sanda	561-2277	内科、眼科、脳神経外科 / Nội khoa, Khoa mắt, Khoa Ngoại thần kinh
平島病院 / Bệnh viện Hirashima	天神 1-2-15 / 1-2-15 Tenjin, Sanda	564-5381	消化器内科、消化器外科、整形外科、循環器内科、呼吸器内科、腎臓内科、皮膚科、肛門外科、眼科、放射線科、小児科、ペインクリニック内科、リハビリテーション科、内科、脳神経内科、外科、泌尿器科、臨床検査科、麻酔科 / Nội khoa tiêu hóa, Khoa Ngoại tiêu hóa, Khoa chỉnh hình, Khoa Nội tim mạch, Khoa Nội hô hấp Khoa Nội thận, Khoa da liễu, Khoa ngoại hậu môn, Khoa mắt, Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa nhi, Khoa Nội giảm đau, Khoa phục hồi chức năng, Nội khoa, Nội khoa thần kinh, Ngoại khoa, Khoa tiết niệu, Khoa xét nghiệm lâm sàng, Khoa gây mê
ひろスポーツクリニック / Phòng khám Sports Hiro	南が丘 2-13-80 / 2-13-80 Minamigaoka, Sanda	556-7733	整形外科、リハビリテーション科 / Khoa chỉnh hình, Khoa phục hồi chức năng.
前橋内科循環器科医院 / Phòng khám Nội Tim mạch Maebashi	貴志字 79-1 / 79-1 Thành phố Sanda, khu Kishi	553-8088	内科、呼吸器内科、循環器内科 / Nội khoa, Khoa Nội hô hấp, Khoa Nội tim mạch
横山駅前ハート内科クリニック / Phòng khám Nội tim mạch Heart trước ga Yokoyama	南が丘 2-6-3 / 2-6-3 Minamigaoka, Sanda	563-8300	内科 / 循環器内科 / リハビリテーション科 / Nội khoa, Khoa Nội tim mạch, Khoa phục hồi chức năng
三輪 / Miwa			
安部整形外科クリニック / Phòng khám Chỉnh hình Abe	三輪 4-8-14 / 4-8-14 Miwa, Sanda	560-2311	整形外科 / Khoa chỉnh hình
いとうメンタルクリニック / Phòng khám Tâm lý Ito	駅前町 1-38 JR 三田駅 NKビル 4F / Tầng 4, tòa nhà NK, ga JR Sanda, thành phố Sanda, 1-38 Ekimaecho, Sanda	564-9600	精神科 / Khoa tâm thần
いなずみ内科・循環器科 / Phòng khám Nội tim mạch Inazumi	中央町 14-35 / 14-35 Chuocho, Sanda	559-2990	内科、循環器内科、小児科 / Nội khoa, Khoa Nội tim mạch, Nhi khoa

Cơ sở y tế

Hãy chủ động có một “bác sĩ gia đình” để thường xuyên tham vấn về sức khỏe của bản thân và gia đình. (Nội dung đăng tải là thông tin tại thời điểm tháng 4 năm 2025.)

Danh sách các cơ sở y tế trong thành phố Sanda (Y khoa)

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel	診療科目 / Chuyên khoa khám chữa bệnh
三輪 / Miwa			
木村クリニック / Phòng khám Kimura	駅前町 9-3 三田サウス I 2F / Toà nhà Sanda South I tầng 2, 9-3 Ekimaecho, Sanda	562-7627	内科、消化器内科、放射線科、リハビリテーション科/ Nội khoa, Nội khoa tiêu hóa, Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa phục hồi chức năng
黒須内科クリニック / Phòng khám Nội khoa Kurosu	中央町 9-38 ユマニティビル 1F / Toà nhà Yumanity tầng 1, 9-38 Chuocho, Sanda	569-7103	内科、呼吸器科/ Nội khoa, Chuyên khoa: Khoa hô hấp
上田医院 / Phòng khám Ueda	駅前町 4-31 / 4-31 Ekimaecho, Sanda	563-2213	内科、循環器内科/ Nội khoa, Khoa Nội tim mạch
小泉形成外科クリニック / Phòng khám phẫu thuật tạo hình Koizumi	高次 1-3-33 / 1-3-33 Takasugi	553-5123	形成外科、美容外科/ Khoa phẫu thuật tạo hình, Khoa phẫu thuật thẩm mỹ
近藤眼科 / Phòng khám mắt Kondo	中央町 4-5 三田ビル 3F / Sanda Bldg 3F, 4-5 Chuocho, Sanda	563-1510	眼科/ Khoa mắt
きしもと泌尿器科クリニック / Phòng khám tiết niệu Kishimoto	駅前町 1-24-201 / 1-24-201 Ekimaecho, Sanda	564-2002	泌尿器科/ Khoa tiết niệu,
シオタニレディースクリニック / Phòng khám phụ sản Shiotani	中央町 10-10 中央第一ビル 3F / 1st Chuo Bldg 3F, 10-10 Chuocho, Sanda	561-3500	産婦人科 / Khoa sản
整形外科ふくしまクリニック / Phòng khám Chỉnh hình Fukushima	中央町 9-36 / 9-36 Chuocho, Sanda	564-0300	整形外科、リウマチ科、リハビリテーション科/ Khoa chỉnh hình, Khoa thấp khớp, Khoa phục hồi chức năng
せや眼科 / Phòng khám mắt Seya	駅前町 1-24-101 / 1-24-101 Ekimaecho, Sanda	559-8887	眼科/ Khoa mắt
武本内科診療所 / Phòng khám Nội khoa Takemoto	中央町 10-10 中央第一ビル 2F / 1st Chuo Bldg 2F, 10-10 Chuocho, Sanda	562-9530	内科、消化器内科、放射線科/ Nội khoa, Nội khoa tiêu hóa, Khoa chẩn đoán hình ảnh
たていし小児科 / Phòng khám nhi Tateishi	駅前町 13-6 / 13-6 Ekimaecho, Sanda	558-7871	小児科、アレルギー科/ Nhi khoa, Khoa dị ứng
つじい医院 / Phòng khám Tsuji	中町 11-16 / 11-16 Nakamachi, Sanda	563-2174	皮膚科 / Khoa da liễu
もり整形外科 / Phòng khám chỉnh hình Mori	高次 1-10-10 / 1-10-10 Takasugi, Sanda	562-5169	整形外科、リハビリテーション科、リウマチ科/ Khoa chỉnh hình, Khoa phục hồi chức năng, Khoa thấp khớp
なかじま脳神経外科クリニック / Phòng khám Khoa Ngoại thần kinh Nakajima	高次 1-2-5 / 1-2-5 Takasugi, Sanda	565-1015	脳神経外科、内科、リハビリテーション科/ Nội khoa thần kinh, Nội khoa, Khoa thấp khớp
中田内科クリニック / Phòng khám Khoa Nội Nakata	駅前町 1-38 JR 三田駅 NKビル 3F / JR Sanda Station NK Bldg 3F, 1-38 Ekimaecho, Sanda	563-5700	内科、消化器科/ Nội khoa, Khoa tiêu hóa
ながやす皮フ科クリニック / Phòng khám da liễu Nagayasu	駅前町 1-38 JR 三田駅 NKビル 3F / JR Sanda Station NK Bldg 3F, 1-38 Ekimaecho, Sanda	559-8883	皮膚科 / Khoa da liễu
なんりクリニック / Phòng khám Nanri	高次 2-13-1 / 2-13-1 Takasugi, Sanda	553-6161	内科、消化器内科 / Nội khoa, Nội khoa tiêu hóa
ひがしうら心療内科 / Phòng khám Nội tâm lý Higashiura	中央町 10-10 中央第 1 ビル 5F / 1st Chuo Bldg 5F, 10-10 Chuocho, Sanda	553-8851	精神科、心療内科 / Khoa tâm thần, Khoa trị liệu tâm lý
兵庫中央病院 / Bệnh viện Trung ương Hyogo-chuo	大原 1314 / 1314 Ohara, Sanda	563-2121	内科、呼吸器外科、消化器内科、消化器外科、整形外科、糖尿病内科、脳神経内科、麻酔科、リハビリテーション科、結核内科、循環器内科、外科、肛門外科、放射線科、病理診断科、歯科/ Nội khoa, Phẫu thuật lồng ngực, Tiêu hóa, phẫu thuật đường tiêu hóa, chỉnh hình, tiểu đường, thần kinh học, gây mê, phục hồi chức năng, lao, tim mạch, phẫu thuật tổng quát, hậu môn trực tràng, X quang, bệnh lý học, nha khoa

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel	診療科目 / Chuyên khoa khám chữa bệnh
三輪 / Miwa			
森本耳鼻咽喉科医院 / Phòng khám Tai – Mũi – Họng Morimoto	中央町 3-8 / 3-8 Chuocho, Sanda	563-2492	耳鼻咽喉科 / Khoa Tai – Mũi – Họng
広野 / Hirono			
アイルさんだクリニック / Phòng khám Airu Sanda	福島 148-1 新三田 MC ビル 3F / Tòa nhà Shin Sanda MC, Tầng 3, 148-1 Fukushima, Sanda	567-5150	内科、緩和ケア内科 / Nội khoa, Khoa Nội Chăm sóc giảm nhẹ
秋久医院 / Phòng khám Akihisa	加茂 1086-3 / 1086-3 Kamo, Sanda	567-0020	内科、糖尿病内科 / Nội khoa, Nội khoa bệnh tiểu đường
ごとう内科 / Phòng khám Nội Goto	福島 148-1 新三田 MC ビル 2F / Shin-Sanda MC Bldg 2F, 148-1 Fukushima, Sanda	567-3155	内科 / Nội khoa
三田高原病院 / Bệnh viện Sanda Kogen	下内神 525-1 / 525-1 Shimouchigami, Sanda	567-5555	内科、リハビリテーション科 / Nội khoa, Khoa thấp khớp
平明会クリニック / Phòng khám Heimeikai	福島 66-4 / 66-4 Fukushima, Sanda	567-7711	内科、人工透析内科 / Nội khoa, Lọc máu nhân tạo nội khoa
みのだ整形外科クリニック / Phòng khám chỉnh hình Minoda	福島 412 / 412 Fukushima, Sanda	567-3750	整形外科、リハビリテーション科 / Khoa chỉnh hình, Khoa thấp khớp
門中医院 / Phòng khám Monnaka	広野 32-3 / 32-3 Hirono, Sanda	567-0010	内科、循環器科 / Nội khoa, Tim mạch
高平 / Takahira			
高平診療所 / Phòng khám Takahira	木器 2227-3 / 2227-3 Kozuki, Sanda	560-8030	内科 / Nội khoa
藍 / Ai			
富田クリニック / Phòng khám Tomita	下相野 319-1 / 319-1 Shimoaino, Sanda	560-7700	外科、消化器内科、リハビリテーション科、肛門外科 / Ngoại khoa, Tiêu hóa, Khoa thấp khớp, Phẫu thuật hậu môn
中井医院 / Phòng khám Nakai	西相野 1018 / 1018 Nishiaino, Sanda	568-6762	内科 / Nội khoa
本庄 / Honjo / 本庄			
あいの病院 / Bệnh viện Aino	東本庄 2493 / 2493 Higashihonjo, Sanda	568-1351	精神科、神経科、内科(入院患者のみ) / Khoa tâm thần, Khoa thần kinh, Nội khoa (Chỉ nhận bệnh nhân nhập viện)
あおぞらクリニック / Phòng khám Aozora	大畑清水 357-1 / 357-1 Ohatashimizu, Sanda	560-0325	内科、整形外科、リハビリテーション科 / Nội khoa, Khoa chỉnh hình, Khoa thấp khớp
医療福祉センターさくら / Trung tâm Y tế và Phúc lợi Sakura	東本庄 1188 / 1188 Higashihonjo, Sanda	568-4103	小児科、内科、精神科、リハビリテーション科、歯科 / Nhi khoa, Nội khoa, Tâm thần học, Phục hồi chức năng, Nha khoa
三田温泉病院 / Bệnh viện Sanda Onsen	東山 897-2 / 897-2 Higashiyama, Sanda	568-5555	内科、リハビリテーション科 / Nội khoa, Khoa thấp khớp
三田西病院 / Bệnh viện Sanda Nishi	東本庄 2017 / 2017 Higashihonjo, Sanda	568-0025	精神科、神経科 / Khoa tâm thần, Khoa thần kinh
武中内科クリニック / Phòng khám Nội Takenaka	東本庄 1086-1 / 1086-1 Higashihonjo, Sanda	568-4567	内科 / Nội khoa
ラワータウン / Flower Town			
阿部内科 / Phòng khám Nội Abe	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 7F / Tòa nhà ga Flower Town, Tầng 7, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	562-8478	内科、消化器内科 / Nội khoa, Tiêu hóa

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel	診療科目 / Chuyên khoa khám chữa bệnh
フラワータウン / Flower Town			
伊田眼科クリニック / Phòng khám mắt Ida	武庫が丘 7-7-4 エムズ II 1F / Tòa nhà Emuzu II, Tầng 1, 7-7-4 Mukogaoka, Sanda	556-8600	眼科/ Khoa mắt
いまだ内科クリニック/ Phòng khám Nội Imada	武庫が丘 7-7-4 エムズ II 2F / Tòa nhà Emuzu II, Tầng 2, 7-7-4 Mukogaoka, Sanda	553-6500	内科、外科、消化器内科、腎臓内科、泌尿器科、乳腺外科、肛門外科、在宅訪問、腫瘍内科/ Nội khoa, Phẫu thuật, Tiêu hóa, Thận học, Tiết niệu, Phẫu thuật vú, Hậu môn trực tràng, Dịch vụ khám tại nhà, Ung bướu
エバラこどもクリニック/ Phòng khám nhi Ebara	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 7F / Tòa nhà ga Flower Town, Tầng 7, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	562-8580	小児科/ Nhi khoa
おだわら内科 / Phòng khám Nội Odawara	弥生が丘 1-2-2 / 1-2-2 Yayoigaoka, Sanda	558-8018	内科/ Nội khoa,
カンオクリニック / Phòng khám Casio	狭間が丘 2-1-7 / 2-1-7 Hasamagaoka, Sanda	564-5014	内科、循環器内科/ Nội khoa, Tim mạch
さんだりハビリテーション病院 / Bệnh viện phục hồi chức năng Sanda	富士が丘 5-16-1 / 5-16-1 Fujigaoka, Sanda	564-7063	リハビリテーション科、脳神経内科、心臓血管外科 / Phục hồi chức năng Thần kinh học., Khoa Ngoại tim mạch
谷耳鼻咽喉科医院 / Phòng khám Tai – Mũi – Họng Tani	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 7F / Tòa nhà ga Flower Town, Tầng 7, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	562-8487	耳鼻咽喉科 / Khoa Tai – Mũi – Họng
さくらこころのクリニック / Phòng khám tâm lý Sakura	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 5F / Tòa nhà ga Flower Town, Tầng 5, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	553-5687	心療内科、精神科/ Y học tâm thần, tâm thần học
とくやまクリニック/ Phòng khám Tokuyama	弥生が丘 2-13-4 / 2-13-4 Yayoigaoka, Sanda	562-0002	外科、小児科、内科、皮膚科/ Phẫu thuật, Nhi khoa, Nội khoa, Da liễu
中内整形外科/ Phòng khám chỉnh hình Nakauchi	武庫が丘 7-7-5 エムズ I 1F / M'sI, Tầng 7, 7-7-5 Mukogaoka, Sanda	563-0500	整形外科/ Khoa chỉnh hình
長宗内科医院 / Phòng khám Nội Nagamune	弥生が丘 2-13-3 / 2-13-3 Yayoigaoka, Sanda	564-0886	内科/ Nội khoa
別所眼科/ Phòng khám mắt Bessho	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 7F / Tòa nhà ga Flower Town, Tầng 7, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	562-1717	眼科/ Khoa mắt
円山医院 / Phòng khám Maruyama	武庫が丘 4-1-1 / 4-1-1 Mukogaoka, Sanda	563-8641	内科/ Nội khoa
ウッディータウン・カルチャータウン / Woddy Town・Culture Town			
浅井眼科医院 / Phòng khám mắt Asai	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 3F / Tòa nhà Erumu Plaza, Tầng 3, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	565-3377	眼科/ Khoa mắt
あしだ眼科クリニック / Phòng khám mắt Ashida	あかしあ台 5-32-1 ウッディ殿ビル 4階/ Tòa nhà Woody Den, Tầng 4, 5-32-1 Akashidai, Sanda	553-0035	眼科/ Khoa mắt
あらい腎泌尿器科クリニック / Phòng khám Thận – Tiết niệu Arai	あかしあ台 1-49-1 / 1-49-1 Akashiadai, Sanda	553-8886	泌尿器科 / Niệu khoa
おかもと小児科 / Phòng khám nhi Okamoto	けやき台 3-76-5 / 3-76-5 Keyakidai, Sanda	565-1699	小児科、内科、アレルギー科/ Nhi khoa, Nội khoa, Dị ứng

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel	診療科目 / Chuyên khoa khám chữa bệnh
ウッディータウン・カルチャータウン / Woddy Town・Culture Town			
三田市民病院 / Bệnh viện Thành phố Sanda	けやき台 3-1-1 / 3-1-1 Keyakidai, Sanda	565-8000	内科、外科、消化器内科、消化器外科、循環器内科、小児科、腎臓内科、整形外科、形成外科、脳神経外科、皮膚科、泌尿器科、産婦人科、眼科、耳鼻咽喉科、放射線科、リハビリテーション科、麻酔科、病理診断科 / Nội khoa, Ngoại khoa, Tiêu hóa, Phẫu thuật tiêu hóa, Tim mạch, Nhi khoa, Thận học, Chính hình, Phẫu thuật thẩm mỹ, Phẫu thuật thần kinh, Da liễu, Tiết niệu, Sản phụ khoa, Nhân khoa, Tai mũi họng, Chẩn đoán hình ảnh, Y học phục hồi chức năng, Gây mê hồi sức, Giải phẫu bệnh
すぎたファミリークリニック / Phòng khám gia đình Sugita	ゆりのき台 2-25-1 / 2-25-1 Yurinokidai, Sanda	562-2700	小児科、内科、/ Nhi khoa, Nội khoa
高雄耳鼻咽喉科クリニック / Phòng khám Tai – Mũi – Họng Takao	けやき台 1-10-1 / 1-10-1 Keyakidai, Sanda	563-8741	耳鼻咽喉科 / Khoa Tai – Mũi – Họng
たなかホームケアクリニック / Phòng khám chăm sóc tại nhà Tanaka	けやき台 1-10-1 / 1-10-1 Keyakidai, Sanda	565-9911	内科 / Nội khoa
まんかいメディカルクリニック / Phòng khám Medical Mankai	すずかけ台 1-12 / 1-12 Suzukakedai, Sanda	565-2525	内科、呼吸器内科、小児科、救急科、訪問診療科、形成外科、皮膚科 / Nội khoa, Chuyên khoa hô hấp, nhi khoa, cấp cứu, khám chữa bệnh tại nhà, phẫu thuật thẩm mỹ, da liễu
どうもと内科クリニック / Phòng khám Nội Domoto	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ3F / Tòa nhà Erumu Plaza, Tầng 3, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	565-3322	内科、循環器内科 / Nội khoa, Tim mạch
殿勝胃腸科クリニック / Phòng khám tiêu hóa Tonokatsu	あかしあ台 5-32-1 ウッディ殿ビル 2F / Tòa nhà Woody Den, Tầng 2, 5-32-1 Akashiadai, Sanda	560-2760	内科、消化器内科 / Nội khoa Tim mạch
長谷川内科医院 / Phòng khám Nội Hasegawa	あかしあ台 1-52-1 / 1-52-1 Akashiadai, Sanda	565-1465	内科、糖尿病内科、消化器内科、リハビリテーション科 / Nội khoa. Bệnh tiểu đường, Nội khoa, Tiêu hóa, Y học phục hồi chức năng
はやしべ皮膚科 / Phòng khám da liễu Hayashibe	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 3F / Tòa nhà Erumu Plaza, Tầng 3, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	565-8808	皮膚科、形成外科、アレルギー科 / Da liễu, Phẫu thuật thẩm mỹ, Dị ứng học
藤村耳鼻咽喉科医院 / Phòng khám Tai – Mũi – Họng Fujimura	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 3F / Tòa nhà Erumu Plaza, Tầng 3, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	565-5977	耳鼻咽喉科 / Khoa Tai – Mũi – Họng
やすおか心療内科 / Phòng khám Nội tâm lý Yasuoka	けやき台 1-10-1 / 1-10-1 Keyakidai, Sanda	562-2762	心療内科、精神科 / Y học tâm thần, tâm thần học
山口内科医院 / Phòng khám Nội Yamaguchi	けやき台 1-10-1 / 1-10-1 Keyakidai, Sanda	559-2628	内科、循環器内科、呼吸器内科 / Nội khoa Tim mạch, Nội khoa hô hấp
山本医院 / Phòng khám Yamamoto	あかしあ台 5-32-1 ウッディ殿ビル 2F / Tòa nhà Woody Den, Tầng 2, 5-32-1 Akashiadai, Sanda	560-2800	外科、呼吸器内科、リハビリテーション科 /
ひろせクリニック / Phòng khám Hirose	学園 7-1-5 / 7-1-5 Gakuen, Sanda	565-9000	内科、小児科 / Nội khoa, Nhi khoa

三田市内医療機関一覧表(歯科)

Danh sách các cơ sở y tế trong thành phố Sanda (Nha khoa)

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel
三田 / Sanda		
愛川歯科医院 / Phòng khám nha khoa Aikawa	貴志 696-3/ 696-3 Kishi, Sanda	560-2643
飯田歯科医院 / Phòng khám nha khoa Iida	南が丘 1-40-22 井之上建設ビル 2F / Inoue kensetsu Bldg 2F, 1-40-22 Minamigaoka, Sanda	564-4868
大槻歯科医院 / Phòng khám nha khoa Otsuki	南が丘 1-30-17 / 1-30-17 Minamigaoka, Sanda	563-2100
岸歯科医院 / Phòng khám nha khoa Kishi	南が丘 2-3-25 / 2-3-25 Minamigaoka, Sanda	563-7800
小寺歯科医院 / Phòng khám nha khoa Kodera	三田町 23-5 / 23-5 Sandacho, Sanda	562-7000
小林デンタルクリニック / Phòng khám nha khoa Kobayashi	貴志 140-1/ 140-1 Kishi, Sanda	556-5886
坂東歯科医院 / Phòng khám nha khoa Bando	西山 1-9-19 / 1-9-19, Nishiyama, Sanda	558-7640
ばんどう歯科/ Nha khoa Bando	三田町 7-4 カタケビル 1F / Tòa nhà Katake, Tầng 1, 7-4 Sandacho, Sanda	553-2148
宮地歯科医院 / Phòng khám nha khoa Miyachi	天神 3-1-5 / 3-1-5 Tenjin, Sanda	564-1616
ワタセ歯科 / Nha khoa Watase	対中町 12-14 / 12-14 Tainakacho, Sanda	563-8440
三輪 / Miwa		
あしざわ歯科医院 / Phòng khám nha khoa Ashizawa	三輪 2-1-11 / 2-1-11 Miwa, Sanda	563-2580
あらがき矯正歯科 / Phòng khám chỉnh nha Aragaki	駅前町 2-1 キッピーモール 5F / Kippy Mall 5F, 2-1 Ekimaecho, Sanda	564-1122
井殿歯科医院 / Phòng khám nha khoa Idono	中央町 4-24 井殿ビル 2F / Idono Bldg 2F, 4-24 Chuocho, Sanda	562-0418
ウイング矯正歯科 / Nha khoa chỉnh nha Wingu	駅前町 11-1「レバンテ三田 A 号室」メルクスホテル内/ Bên trong khách sạn Melxe (Phòng A, Lebante Sanda), 11-1 Ekimaecho	564-1914
おおにし歯科 / Phòng khám nha khoa Onishi	中央町 10-10 中央第一ビル 4F / Tầng 4, Tòa nhà Chuo Dai-ichi, 10-10 Chuocho, Sanda	561-2552
尾崎歯科医院 / Phòng khám nha khoa Ozaki	友が丘 2-2-13 / 2-2-1 Tomogaoka, Sanda	562-6480
黒瀬歯科クリニック/ Phòng khám nha khoa Kurose	駅前町 2-1 キッピーモール 5F / Kippy Mall 5F, 2-1 Ekimaecho, Sanda	564-0175
小西デンタルクリニック / Phòng khám nha khoa Konishi	中央町 9-36 1F / 1F, 9-36 Chuocho, Sanda	569-8211
嶋谷歯科医院 / Phòng khám nha khoa Shimatani	三輪 2-4-6 マルワハイツ II 1F / Tầng 1, Tòa nhà Maruwa Heights II, 2-4-6 Miwa, Sanda	559-0011
すず歯科医院 / Phòng khám nha khoa Suzu	駅前町 13-10 / 13-10 Ekimaecho, Sanda	559-6474
辻井歯科医院 / Phòng khám nha khoa Tsujii	中町 3-8 / 3-8 Nakamachi, Sanda	562-4180
中西歯科医院 / Phòng khám nha khoa Nakanishi	高次 1-10-5 / 1-10-5 Takasugi, Sanda	564-4841
中道歯科医院 / Phòng khám nha khoa Nakamichi	大原 810-3 / 810-3 Ohara, Sanda	563-7131
南歯科医院 / Phòng khám nha khoa Minami	駅前町 8-4 三田サウスⅢ 2F / Tầng 2, Tòa nhà Sanda South III, 8-4 Ekimaecho, Sanda	563-7400
広野 / Hirono		
福田歯科医院 / Phòng khám nha khoa Fukuda	上井沢 75 / 75 Kamiisawa, Sanda	567-1511
ぶんど歯科クリニック/ Phòng khám nha khoa Bungo	広野 27 / 27 Hirono, Sanda	567-0121

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel
広野 / Hirono		
吉田歯科診療所 / Phòng khám nha khoa Yoshida	福島 354 / 354 Fukushima, Sanda	567-1133
ヨルソラ歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Yorusora	福島 1-19 An Claire 102 / An Claire 102, 1-19, Fukushima, Sanda	558-8066
藍 / Ai		
生田歯科 / Nha khoa Ikuta	下相野 380-1 / 380-1 Shimoaino, Sanda	568-7711
おおや歯科医院 / Phòng khám nha khoa Ooya	大川瀬 1307-45 / 1307-45 Okawaze, Sanda	560-0808
杉本歯科医院 / Phòng khám nha khoa Sugimoto	つつじが丘北 2-2-6 / 2-2-6 Tsutsujigaokakita, Sanda	568-0005
本庄 / Honjo		
さんあい歯科医院 / Phòng khám nha khoa San'ai	東本庄 2493 / 2493 Higashihonjo, Sanda	568-5237
フラワータウン / Flower Town		
いわさか歯科医院 / Phòng khám nha khoa Iwasaka	弥生が丘 1-2-1 / 1-2-1 Yayoigaoka, Sanda	502-0461
岡本歯科医院 / Phòng khám nha khoa Okamoto	武庫が丘 4-1-2 / 4-1-2 Mukogaoka, Sanda	563-2050
きしもと歯科 / Phòng khám nha khoa Kishimoto	弥生が丘 5-14-3 / 5-14-3 Yayoigaoka, Sanda	559-8211
喜多歯科医院 / Phòng khám nha khoa Kita	弥生が丘 1-1-2 サンフラワー1F106 / Tầng 1, Tòa nhà Sun Flower #106, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	559-4118
田中歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Tanaka	弥生が丘 2-19 / 2-19 Yayoigaoka, Sanda	559-4811
吉原歯科医院 / Phòng khám nha khoa Yoshihara	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 7F / Tầng 7, Tòa nhà ga Flower Town, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	562-8471
ウッディータウン・カルチャータウン / Woddy Town・Culture Town		
あさはら歯科医院 / Phòng khám nha khoa Asahara	ゆりのき台 5-31-3 / 5-31-3 Yurinokidai, Sanda	553-7111
英保歯科 / Nha khoa Abo	けやき台 3-76-6 / 3-76-6 Keyakidai, Sanda	565-7766
ウッディ吉原歯科 / Nha khoa Woody Yoshihara	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 3F / Elm Plaza 3F, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	556-7786
おくしゃ歯科医院 / Phòng khám nha khoa Okusha	すずかけ台 1-6-1 / 1-6-1 Suzukakedai, Sanda	565-0886
くわな歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Kuwana	けやき台 1-10-1 センチュリープラザ 1F / Century Plaza, Tầng 1, 1-10-1 Keyakidai, Sanda	553-2987
しらやま歯科 / Phòng khám nha khoa Shirayama	けやき台 3-12-1 / 3-12-1 Keyakidai, Sanda	564-4618
たなか歯科医院 / Phòng khám nha khoa Tanaka	あかしあ台 1-52-2 / 1-52-2 Akashiadai, Sanda	565-2000
たにぐちデンタルクリニック / Phòng khám nha khoa Taniguchi	すずかけ台 2-3-7 OLビルディング 3F / Tầng 3, Tòa nhà OL, 2-3-7 Suzukakedai, Sanda	563-7550
前田歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Maeda	けやき台 1-6-2 イオン三田ウッディタウン 1 番街 / Khu số 1, Trung tâm thương mại Aeon Sanda Woody Town, 1-6-2 Keyakidai, Sanda	556-5551
松割歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Matsuwari	学園 7-1-2 / 7-1-2 Gakuen, Sanda	559-8888
サンダデンタルクリニック / Phòng khám nha khoa Sanda	あかしあ台 5-32-1 ウッディ殿ビル 3F / Woody Den Bldg 3F, 5-32-1 Akashiadai, Sanda	560-2011
吉城歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Yoshiki	すずかけ台 1-32-4 / 1-32-4 Suzukakedai, Sanda	563-2807
渡辺デンタルクリニック / Phòng khám nha khoa Watanabe	ゆりのき台 2-25-2 / 2-25-2 Yurinokidai, Sanda	559-7648

夜間・休日診療・電話相談

休日診療

三田市休日応急診療センター

<診療科目> 内科・小児科を中心とした外来応急診療

<住所> 三田市天神 1-10-14 (兵庫県三田総合庁舎内)

<電話> 079-556-5005

<診療日> 日曜日・祝日・年末年始 (12月29日～1月3日)

<受付時間> (午前) 8:45～11:30 (午後) 13:00～16:30

<持ち物> マイナ保険証等加入している医療保険情報が確認できるもの、福祉医療証 (乳幼児等医療費受給者証等)、お薬手帳

※受診前に必ず電話連絡 (079-556-5005) をお願いいたします。

お子さんの休日・夜間診療

神戸こども初期急病センター

診療受付

<診療科目> 15歳未満のお子さんの内科系疾患が対象

<住所> 神戸市中央区脇浜海岸通 1-4-1 (HAT 神戸内)

<電話> 078-891-3999

<診療日・受付時間>

平日 19:30～翌朝 6:30

土曜日 14:30～翌朝 6:30

日曜・祝・年末年始 (12/29～1/3) 8:30～翌朝 6:30

※各受付開始時間の 30 分後から診療開始

<持ち物> マイナ保険証等加入している医療保険情報が確認できるもの、福祉医療証 (乳幼児等・こども医療費受給者証等)、お薬手帳

電話相談受付

<電話> 078-891-3499

<電話受付>

平日 20:00～翌朝 7:00

土曜日 15:00～翌朝 7:00

日曜・祝日 9:00～翌朝 7:00



Khám bệnh đêm/ngày lễ và tư vấn qua điện thoại

Ngày lễ và tư vấn

Trung tâm khám chữa bệnh khẩn cấp ngày nghỉ thành phố Sanda

<Nội dung> Khám cấp cứu ngoại trú tập trung vào Nội khoa và Nhi khoa

<Địa điểm> 1-10-14 Tenjin, thành phố Sanda (Bên trong Tòa nhà Hành chính Tổng hợp Sanda, tỉnh Hyogo)

<TEL> 079-556-5005

<Ngày khám bệnh> Các ngày Chủ nhật, ngày lễ và kỳ nghỉ Tết Dương lịch (từ ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1)

<Giờ lễ tân> 8:45 - 11:30, 13:00 - 16:30

<Đồ mang theo> Khi đi khám, vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm My Number hoặc thông tin bảo hiểm y tế đang tham gia, Thẻ phúc lợi y tế (Thẻ chứng nhận thụ hưởng chi phí y tế cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, v.v.), Sổ tay thuốc.

※Bắt buộc phải liên hệ qua điện thoại (079-556-5005) trước khi đến khám.

Khám bệnh ban đêm, ngày lễ cho trẻ em

Trung tâm cấp cứu nhi khoa ban đầu Kobe

Đăng ký tư vấn y tế

<Nội dung> Áp dụng cho các bệnh lý nội khoa của trẻ dưới 15 tuổi.

<Địa điểm> 4-1-1 Wakinohama Kaigandori, quận Chuo, thành phố Kobe (trong HAT Kobe)

<TEL> 078-891-3999

<Ngày khám bệnh / Giờ lễ tân>

Các ngày trong tuần: 19:30 - 6:30 sáng hôm sau

Thứ Bảy: 14:30 - 6:30 sáng hôm sau

Chủ nhật, ngày lễ và kỳ nghỉ Tết Dương lịch (29 tháng 12 - 3 tháng 1): 8:30 - 6:30 sáng hôm sau

※Buổi tư vấn sẽ bắt đầu 30 phút sau mỗi khung giờ bắt đầu đã định.

<Đồ mang theo> Khi đi khám, vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm My Number hoặc thông tin bảo hiểm y tế đang tham gia, Thẻ phúc lợi y tế (Thẻ chứng nhận thụ hưởng chi phí y tế cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, v.v.), Sổ tay thuốc.

Tư vấn qua điện thoại

<TEL> 078-891-3499

<Tiếp nhận tư vấn điện thoại>

Các ngày trong tuần: 20:00 - 7:00 sáng hôm sau

Thứ Bảy: 15:00 - 7:00 sáng hôm sau

Chủ nhật và các ngày lễ: 9:00 - 7:00 sáng hôm sau

受診に迷う場合、健康上の相談など

さんだ健康医療相談ダイヤル 24

<電話>0120-310-328

<受付時間>24 時間年中無休

(非通知不可、三田市民のみご利用いただけます)

お子さんの急病、ケガなどでお困りのとき

兵庫県子ども医療電話相談

<電話>#8000 または 078-304-8899(ダイヤル回線、IP 電話)

<受付時間>平日、土曜日 18:00~翌朝 8:00、日曜、祝日、年末年始(12月29日~1月3日)8:

00~翌朝 8:00

休日歯科診療

<受付時間>9:00~12:30

日曜日や祝日の歯科診療は、休日歯科診療当番医を指定していますので、市広報誌や市ホームページでご確認のうえ、各医院で受診してください。

[休日歯科 三田市](#) [検索](#)

救急告示医療機関

市内救急告示病院/ Cơ sở y tế được công bố tiếp nhận cấp cứu	所在地/ Địa chỉ	TEL
三田市民病院/ Bệnh viện Thành phố Sanda	けやき台 3-1-1 / 3-1-1 Keyakidai, Sanda	079-565-8000
平島病院/ Bệnh viện Hirashima	天神 1-2-15 / 1-2-15 Tenjin, Sanda	079-564-5381

Trường hợp phân vân có nên đi khám hay không, cần tư vấn về sức khỏe, v.v.

Đường dây tư vấn y tế sức khỏe Sanda 24 giờ

<TEL>0120-310-328

<Tiếp nhận tư vấn điện thoại> Có thể liên lạc bất cứ lúc nào

(Cuộc gọi không chấp nhận số ẩn danh, và chỉ dành cho người dân Thành phố Sanda.)

Khi gặp khó khăn do trẻ bệnh đột xuất, bị thương, v.v.

Đường dây tư vấn y tế cho trẻ em tỉnh Hyogo

<TEL>078 - 304 - 8899 hoặc #8000 (Đường dây quay số, điện thoại IP) , Các ngày Chủ nhật,

ngày lễ và kỳ nghỉ Tết Dương lịch (từ ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1): từ 8:00 sáng đến

8:00 sáng ngày hôm sau.

Khám nha khoa ngày nghỉ

<Thời gian sử dụng>9:00~12:30

Đối với khám nha khoa vào Chủ nhật và ngày lễ, thành phố chỉ định nha sĩ trực ngày nghỉ. Vui lòng kiểm tra thông tin trên Bản tin thành phố hoặc trang web chính thức của thành phố, sau đó đến khám tại từng phòng khám được chỉ định.

[Khám nha khoa ngày nghỉ Sanda](#) [Tìm kiếm](#)

Cơ sở y tế được công bố tiếp nhận cấp cứu